

Số: **29** /2019/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **12** tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành  
nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp  
và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2024/TTr-SNV ngày 02 tháng 8 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**Điều 3.** Giám đốc các Sở; Thủ trưởng Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY CHẾ**

**Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số... 29...../2019/QĐ-UBND  
ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình)

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định tiêu chí, trình tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp (sau đây gọi chung là Sở, Ban, Ngành);

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp);

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

### **Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại**

1. Thông qua đánh giá, giúp các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém; nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật về thực hiện cơ chế tự chủ.

3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng trong các Cụm, Khối thi đua và đánh giá, phân

loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị.

### **Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại**

1. Việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bảo đảm khách quan, dân chủ, công bằng và công khai.

2. Các cơ quan, đơn vị khi tiến hành tự chấm điểm, đánh giá, xếp loại theo các nội dung của Quy chế này phải tự giác, trung thực, có trách nhiệm cung cấp thông tin và giải trình đầy đủ những nội dung mà Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá của tỉnh yêu cầu. Không công nhận kết quả tự chấm điểm thiếu trung thực hoặc không có tài liệu, hồ sơ chứng minh kết quả đạt được.

3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được thông báo công khai bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

## **Chương II**

### **TIÊU CHÍ, CÁCH CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**

**Điều 4. Tiêu chí đánh giá đối với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

#### **1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Đánh giá kết quả thực hiện 02 nhiệm vụ trọng tâm hàng năm do các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Mỗi nhiệm vụ trọng tâm phải có ít nhất 03 chỉ tiêu hoặc nội dung công việc trở lên.

##### **1.1. Nhiệm vụ trọng tâm của các Sở, Ban, Ngành**

Là những nhiệm vụ và giải pháp có tính quan trọng, đột phá nhất trong năm, nhằm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### **1.2. Nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

a) Nhiệm vụ thứ nhất: Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán thu ngân sách được giao hàng năm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

b) Nhiệm vụ thứ hai: Là những nhiệm vụ, giải pháp có tính quan trọng, đột phá nhất trong năm, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

##### **1.3. Đăng ký nhiệm vụ trọng tâm**

a) Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của tỉnh, các Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, ngành dọc cấp trên và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương. Các cơ quan, đơn vị



hợp thống nhất trong tập thể cấp uỷ, lãnh đạo để xây dựng 02 nhiệm vụ trọng tâm theo quy định tại điểm 1.1 và điểm 1.2, khoản 1 điều này, gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trước ngày 30 tháng 01 hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Đối với những nhiệm vụ mới của các Sở, Ban, Ngành (chưa có chủ trương, chưa được cấp trên giao bằng văn bản), nếu đăng ký thực hiện trong năm thì phải báo cáo xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo Sở, ngành mình trước khi gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

c) Không đăng ký những nội dung công việc mang tính hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên trong nội bộ cơ quan, đơn vị hoặc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, địa phương.

#### 1.4. Điều chỉnh nhiệm vụ trọng tâm

a) Việc điều chỉnh nhiệm vụ trọng tâm phải được thực hiện trước thời điểm hoàn thành đã được phê duyệt và trước ngày 30/6 hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trường hợp đặc biệt, đối với những nhiệm vụ được giao hoàn thành sau ngày 30/6 hàng năm nhưng chưa thực hiện được do yêu cầu của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương hoặc yêu cầu của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan, đơn vị được đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, Quyết định điều chỉnh nhưng phải trước thời điểm hoàn thành và trước ngày 30/9 hàng năm.

### 2. Nhiệm vụ chung

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chung sau đây:

#### 2.1. Nhiệm vụ chung của các Sở, Ban, Ngành

a) Chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành.

Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.

c) Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức, viên chức, người

lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.

Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

d) Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

## 2.2. Nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.

b) Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Quy định tại tiết c, điểm 2.1, khoản 2, điều này.

c) Kết quả cải cách hành chính của đơn vị

Quy định tại tiết d, điểm 2.1, khoản 2, điều này.

## **Điều 5. Tiêu chí đánh giá đối với các đơn vị sự nghiệp**

### 1. Chất lượng và kết quả thực hiện Kế hoạch công tác năm

1.1. Đánh giá về chất lượng Kế hoạch công tác năm và kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch công tác năm của đơn vị.

#### 1.2. Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác năm

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của tỉnh, các Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, ngành dọc cấp trên và tình hình thực tiễn của ngành. Các đơn vị sự nghiệp họp thống nhất trong tập thể cấp uỷ, lãnh đạo để xây dựng Kế hoạch công tác năm, gửi Sở Nội vụ thẩm định trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, sau đó phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.

#### 1.3. Điều chỉnh Kế hoạch công tác năm

Việc điều chỉnh các nhiệm vụ trong Kế hoạch công tác năm (nếu có) phải thực hiện trước thời điểm hoàn thành mà cơ quan, đơn vị đã phê duyệt và trước ngày 30/9 hàng năm. Trước khi điều chỉnh các nhiệm vụ trong Kế hoạch công tác năm; cơ quan, đơn vị phải có văn bản nêu rõ lý do điều chỉnh, gửi Sở Nội vụ thẩm định.

## 2. Nhiệm vụ chung

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chung sau đây:

### 2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.

### 2.2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.

Tổ chức tiếp công dân theo quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

### 2.3. Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị

Đánh giá việc chấp hành một số quy định về cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

## **Điều 6. Cách chấm điểm**

Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được tính theo thang điểm 1.000, trong đó:

1. Hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, điều 4 và khoản 1, điều 5 của Quy chế này, đạt 800 điểm.

1.1. Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, điều 4 của Quy chế này.

a) Một nhiệm vụ trọng tâm của Sở, Ban, Ngành nếu hoàn thành, đạt 150 điểm. Ở cấp huyện, nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất nếu hoàn thành, đạt 300 điểm; nhiệm vụ trọng tâm thứ hai nếu hoàn thành, đạt 100 điểm.

b) Điểm của một tiêu chí, nội dung công việc bằng điểm của một nhiệm vụ trọng tâm chia tổng các chỉ tiêu, nội dung công việc.

1.2. Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, điều 5 của Quy chế này.

a) Hoàn thành 100% các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị, đạt 400 điểm.

b) Điểm của một nhiệm vụ bằng 400 điểm chia tổng các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị.

1.3. Đối với nhiệm vụ chung quy định tại khoản 2, điều 4 và khoản 2, điều 5 của Quy chế này.

a) Các nhiệm vụ quy định tại tiết a, b, c, điểm 2.1 và tiết a, b, điểm 2.2, khoản 2, điều 4; điểm 2.3, khoản 2, điều 5 của Quy chế này: Mỗi nhiệm vụ hoàn thành đạt 100 điểm;

b) Các nhiệm vụ quy định tại tiết d điểm 2.1 và tiết c, điểm 2.2, khoản 2, điều 4 của Quy chế này: Tối đa đạt 200 điểm;

c) Các nhiệm vụ quy định điểm 2.1, 2.2, khoản 2, điều 5 của Quy chế này: Mỗi nhiệm vụ hoàn thành đạt 150 điểm.

2. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấm 200 điểm đối với các nội dung sau:

2.1. Hiệu quả quản lý nhà nước hoặc phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của ngành, lĩnh vực được giao: Tối đa 100 điểm.

2.2. Chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao: Tối đa 100 điểm.

3. Cách tính điểm cộng, điểm trừ chi tiết tại phụ lục kèm theo Quy chế này. Điểm trừ của một nhiệm vụ chung không quá điểm hoàn thành của nhiệm vụ chung đó.

#### **Điều 7. Quy trình, thời gian đánh giá, xếp loại**

1. Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành họp và tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình theo các tiêu chí quy định tại điều 4, điều 5, điều 6 của Quy chế này, sau đó gửi Hồ sơ đến Sở Nội vụ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để thẩm định, tổng hợp.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấm điểm đối với các nội dung quy định tại khoản 2, điều 6 của Quy chế này.

3. Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; bao gồm cả điểm chấm của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá kiểm tra, rà soát kết quả thẩm định, tổng hợp của Sở Nội vụ thực hiện và báo cáo Hội đồng đánh giá.

5. Hội đồng đánh giá họp, xem xét, cho ý kiến và Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

6. Thời gian họp Hội đồng đánh giá: Trước ngày 05 tháng 01 của năm kế tiếp năm đánh giá.

#### **Điều 8. Hồ sơ tự đánh giá**

1. Báo cáo diễn giải kết quả tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (nêu rõ lý do hoàn thành hoặc chưa hoàn thành từng nhiệm vụ).

2. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm.



### **Điều 9. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tổng số điểm từ 950 điểm trở lên;
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổng số điểm từ 850 điểm đến dưới 950 điểm;
3. Hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm từ 750 điểm đến dưới 850 điểm;
4. Không hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm dưới 750 điểm.
5. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự từ cao, đến thấp và chia làm 03 Khối:
  - 5.1. Khối các Sở, Ban, Ngành.
  - 5.2. Khối các đơn vị sự nghiệp.
  - 5.3. Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
6. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có số điểm bằng nhau, cơ quan nào có số điểm của nhiệm vụ chung cao hơn thì cơ quan, đơn vị đó được sắp xếp thứ tự cao hơn; nếu số điểm của nhiệm vụ chung cũng bằng nhau thì Hội đồng đánh giá tiến hành bốc phiếu kín để sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp; nếu kết quả kiểm phiếu vẫn bằng nhau thì việc sắp xếp thứ tự do Chủ tịch Hội đồng quyết định.
7. Những cơ quan, đơn vị không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, để xảy ra hậu quả, gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội thì Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định hạ mức độ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ và điểm số tương ứng do Hội đồng đánh giá quyết định.

### **Điều 10. Thành lập Hội đồng đánh giá và Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá**

1. Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập, thành phần gồm có:
  - 1.1. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
  - 1.2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
  - 1.3. Thư ký Hội đồng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
  - 1.4. Các ủy viên Hội đồng:  
Giám đốc Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh.
  - 1.5. Mời Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh tham gia Hội đồng.
 Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.
2. Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá (gọi tắt là Tổ công tác) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập, thành phần gồm có:
  - 2.1. Tổ trưởng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
  - 2.2. Các Ủy viên: Lãnh đạo và Trưởng phòng có liên quan của các Sở, ngành: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh.
  - 2.3. Thư ký: Trưởng phòng của Sở Nội vụ.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan**

1. Căn cứ các quy định của Quy chế này và tình hình thực tế của ngành, địa phương; các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng, ban hành Quy chế, tổ chức đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý và gửi kết quả đánh giá về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm tổng hợp, cung cấp các thông tin có liên quan gửi về Sở Nội vụ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để làm căn cứ thẩm định hồ sơ tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị.

**Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

1. Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm:

1.1. Hướng dẫn các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc xây dựng, đăng ký nhiệm vụ trọng tâm hàng năm; xây dựng, ban hành Kế hoạch công tác năm; tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm. Công khai bằng văn bản về kết quả tổng hợp điểm từng nhiệm vụ, điểm cộng, điểm trừ của từng cơ quan, đơn vị.

1.2. Hướng dẫn các Cụm, Khối thi đua xây dựng Quy chế hoạt động, tiêu chí thi đua đảm bảo phù hợp với các quy định của Quy chế này, nhằm đảm bảo tính thống nhất, khách quan, công bằng trong việc bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

2. Theo dõi, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề xuất của các Sở, Ban, Ngành, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này; kịp thời tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

## PHỤ LỤC

**Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **29** /2019/QĐ-UBND ngày **12** tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ hoàn thành tính 150 điểm)</b>	<b>300</b>	<b>1. Những chỉ tiêu định lượng</b>		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	01 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá 10 điểm/01 chỉ tiêu)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
<b>II. Nhiệm vụ chung</b>	<b>500</b>	<b>2. Những chỉ tiêu định tính</b>		
		- Hoàn thành trước thời hạn	03 điểm/01 nhiệm vụ	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm
		Tham mưu ban hành văn bản trái quy định phải bãi bỏ.		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
<b>1. Chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành.</b> Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.	<b>100</b>	Văn bản tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành nhưng không đảm bảo quy trình hoặc thiếu tính khả thi.		20 điểm/01 văn bản (nếu lỗi do cơ quan thẩm định hoặc tổng hợp, trình phê duyệt thì trừ điểm của cơ quan đó)

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.  Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.	100	Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt; theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):		
		- Không hoàn thành trong năm		20 điểm/01 nhiệm vụ
		- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn		
		+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ		20 điểm/01 nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 200 nhiệm vụ		20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ		Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên		05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận thì không trừ điểm		
		Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp luật.		10 điểm/01 lần
		Có ý kiến phúc đáp nhưng quá thời hạn, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị đề nghị phối hợp		05 điểm/01 lần
Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định			Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.	
Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản			15 điểm/01 lần	
Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền			20 điểm/01 văn bản	



Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<p>3. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.</p> <p>Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.</p> <p>Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	100	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản
		Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật.		15 điểm/01 trường hợp
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức khiển trách		20 điểm/01 trường hợp
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức cảnh cáo		25 điểm/01 trường hợp
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức hạ bậc		30 điểm/01 trường hợp
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức giáng chức		35 điểm/01 trường hợp
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức cách chức		40 điểm/01 trường hợp
		Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức buộc thôi		50 điểm/01 trường hợp
		Có cấp trưởng, cấp phó, phòng chuyên môn đơn vị trực thuộc bị kỷ luật		20 điểm/01 trường hợp
		Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý		30 điểm
		Không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy		20 điểm
		Không thực hiện đạt chỉ tiêu tình hình biên chế được giao		20 điểm
		Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ		10 điểm
		Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định		10 điểm
		Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo		10 điểm
		Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh		10 điểm/01 đơn thư
		Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		10 điểm

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>4. Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.</b> Đây mạnh cải cách hành chính, phần đầu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.	200	Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của Sở A là 85%, thì điểm của nhiệm vụ này là 170 điểm)		
<b>5. Các tiêu chí tính điểm cộng</b>		Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; giải quyết hoặc tham mưu giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (đo Tổ công tác thẩm định và đề xuất)	
		Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCN đã được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ cộng điểm đối với cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).	05 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án	
		Cơ quan, đơn vị có mô hình, điển hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận đề nhân rộng	05 điểm/01 mô hình, điển hình	

## PHỤ LỤC

**Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm**

**đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **29** /2019/QĐ-UBND ngày **12** tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>I. Chất lượng và kết quả thực hiện Kế hoạch công tác năm</b>	<b>400</b>	<b>1. Chất lượng Kế hoạch công tác năm</b>		
		Các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch công tác năm không rõ ràng, không xác định được kết quả hoặc sản phẩm công việc, thời gian hoàn thành và không phân công cơ quan, tổ chức có trách nhiệm		Không chấm điểm đối với nhiệm vụ đó
		<b>2. Những chỉ tiêu định lượng</b>		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	01 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá 10 điểm/01 chỉ tiêu)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		<b>3. Những chỉ tiêu định tính</b>		
		- Hoàn thành trước thời hạn	3 điểm/01 nhiệm vụ	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
II. Nhiệm vụ chung	400			
<p><b>1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.</b></p> <p>Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, dùn dầy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.</p>	150	Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):		
		- Không hoàn thành trong năm		20 điểm/01 nhiệm vụ
		- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn		
		+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ		20 điểm/01 nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 200 nhiệm vụ		20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ		Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên		05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh xác nhận thì không trừ điểm		
		Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp luật.		10 điểm/01 lần
		Có ý kiến phúc đáp nhưng quá thời hạn, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị đề nghị phối hợp		05 điểm/01 lần
		Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định		Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.
		Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản		15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền		20 điểm/01 văn bản



Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<p>2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về tiếp công dân, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo.</p> <p>Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.</p> <p>Tổ chức tiếp công dân theo quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	150	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản
		Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật.		15 điểm/01 trường hợp
		Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật ở mức khiển trách		20 điểm/01 trường hợp
		Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật ở mức cảnh cáo		25 điểm/01 trường hợp
		Người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật ở mức hạ bậc lương		30 điểm/01 trường hợp
		Người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật ở mức giáng chức		35 điểm/01 trường hợp
		Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật ở mức cách chức		40 điểm/01 trường hợp
		Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc		50 điểm/01 trường hợp
		Có cấp trưởng, cấp phó phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc bị kỷ luật		20 điểm/01 trường hợp
		Chưa ban hành hoặc ban hành nhưng không thực hiện quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc		20 điểm
		Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định		10 điểm
		Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ		10 điểm
		Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, dùng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo		10 điểm
		Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản		10 điểm/01 đơn thư
		Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		10 điểm

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>3. Kết quả cải cách hành chính của đơn vị</b> Đánh giá việc chấp hành một số quy định về cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.	100	Không chấp hành hoặc chấp hành không kịp thời các quy định của Trung ương và của tỉnh trong việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy		20 điểm
		Chưa quy định đầy đủ hoặc chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của đơn vị		20 điểm
		Thực hiện tinh giản biên chế không đạt chỉ tiêu cấp trên giao (nếu có)		20 điểm
		Bổ trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức không theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt		20 điểm
		Không thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị		20 điểm
		Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng được giao không đúng quy định hoặc chậm thời hạn		10 điểm
		Không tham gia hoặc có công chức, viên chức tham gia nhưng không đảm bảo số lượng và thời gian của khóa đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan có thẩm quyền tổ chức		10 điểm/01 trường hợp
		Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức không đúng quy định		20 điểm
		Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý		30 điểm
		Vi phạm các quy định về quản lý ngân sách, tài sản công		30 điểm
		Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ (nếu có) không đúng quy định		10 điểm
		Trang thông tin điện tử của ngành không thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành và các hoạt động		20 điểm
		Thực hiện quy trình xử lý văn bản đi, văn bản đến trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của tỉnh không đúng quy định		20 điểm

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
4. Các tiêu chí tính điểm cộng		Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; giải quyết hoặc tham mưu giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh ghi nhận.	Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (do Hội đồng đánh giá quyết định)	
		Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCHN được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ thưởng điểm đối với đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).	05 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án	
		Tập thể cơ quan, đơn vị có mô hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng	05 điểm/01 điển hình	





## PHỤ LỤC

**Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **29** /2019/QĐ-UBND ngày **12** tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, nhiệm vụ thứ nhất hoàn thành tính 300 điểm; nhiệm vụ thứ hai hoàn thành tính 100 điểm)</b>	400	<b>1. Những chỉ tiêu định lượng</b>		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	Nhóm A: 02 điểm; Nhóm B 01 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá điểm hoàn thành của 01 chỉ tiêu) <sup>(*)</sup>	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		<b>2. Những chỉ tiêu định tính</b>		
		- Hoàn thành trước thời hạn	3 điểm/01 nhiệm vụ	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>II. Nhiệm vụ chung</b>	<b>400</b>			
		Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt; theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh):		
		- Không hoàn thành trong năm		20 điểm/01 nhiệm vụ
		- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn		
		+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ		20 điểm/01 nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 200 nhiệm vụ		20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ		Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên		05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn
		+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh xác nhận thì không trừ điểm		
	100	Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp		10 điểm/01 lần
		Có ý kiến phúc đáp nhưng quá thời hạn, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị đề nghị phối hợp		05 điểm/01 lần
		Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định		Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.
		Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản		15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền		20 điểm/01 văn bản
		Không kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm		15 điểm/01 vụ việc
		Không kiểm soát, xử lý, khoanh vùng để dịch bệnh bùng phát, lây lan trên địa bàn		15 điểm/01 vụ việc
<b>1. Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.</b> Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.				

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<p><b>2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.</b></p> <p>Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật.</p> <p>Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.</p> <p>Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	100	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản
		Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật.		15 điểm/01 trường hợp
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức khiển trách.		20 điểm/01 trường hợp
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức cảnh cáo.		30 điểm/01 trường hợp
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức cách chức, bãi nhiệm.		40 điểm/01 trường hợp
		Có cấp trưởng, cấp phó phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc bị xử lý kỷ luật		20 điểm/01 trường hợp
		Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý		30 điểm
		Không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy		20 điểm
		Không thực hiện đạt chỉ tiêu tình gián biên chế được giao		20 điểm
		Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ		10 điểm
		Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định		10 điểm
		Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo		10 điểm
		Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh		10 điểm/01 đơn thư
		Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		10 điểm

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<b>3. Kết quả cải cách hành chính của đơn vị.</b> Đây mạnh cải cách hành chính, phần đầu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.	200	Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của huyện A là 88%, thì điểm của nhiệm vụ này là 176 điểm)		
<b>4. Các tiêu chí tính điểm cộng</b>		Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tích cực, chủ động giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh.	Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (do Tổ công tác thẩm định và đề xuất)	
		Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCN đã được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ công điểm đối với đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).	05 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án	
		Địa phương có mô hình, điển hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận đề nhân rộng	05 điểm/01 mô hình, điển hình	

**Chú thích (\*):**

- **Nhóm A:** Các chỉ tiêu: Giá trị sản xuất công nghiệp; Tổng thu ngân sách trên địa bàn; Thu nhập bình quân đầu người; Tỷ lệ hộ nghèo; Số xã đạt 19 tiêu chí về nông thôn mới; Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- **Nhóm B:** Các chỉ tiêu còn lại.